

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 76/2024/HS-ST

Ngày: 12-12-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Châu

2. Ông Lê Văn Do

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Hải-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:**  
Bà Đoàn Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. A D-Sinh** ngày: 01/11/2002 tại tỉnh Gia Lai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Mã số định danh cá nhân: 064202015944, Nơi cấp: Bộ C; Con ông A M và Y; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 28/3/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 28/5/2024 bị khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. G-Sinh** ngày: 01/01/1994 tại tỉnh Gia Lai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bana; Tôn giáo: Tin Lành; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Mã số định danh cá nhân: 064094004597; Nơi cấp: Bộ C; Con ông Đ và bà A; Bị cáo chung sống với chị B và có 1 con chung sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 28/3/2024, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Ngày 28/5/2024 bị khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Ông Lê Anh T - sinh năm: 1982; Trú tại: Thôn E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh A D1 - sinh ngày: 01/10/2009; Trú tại: Thôn H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**-Người đại diện hợp pháp cho anh A D1:** Ông A M, sinh năm: 1974; Trú tại: Thôn H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Là cha đẻ). Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông A1, sinh năm: 1968; Trú tại: Thôn P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 ngày 28/3/2024, A D, A D1 (em trai A D) và G cùng đi đến Trung tâm thương mại huyện Đ để ăn sáng. Sau khi ăn xong, A D rủ cả ba đi trộm cắp tiêu thì G và A D1 đồng ý. Lúc này, G điều khiển xe mô tô mang biển số 81K2 - 2122 chở theo A D và A D1 về hướng xã T, huyện Đ. Khi đi ngang qua Cửa hàng thu mua nông sản của bà Nguyễn Thị T1 (Sinh năm 1975) tại Thôn E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thì G dừng xe lại rồi nói A D đi vào xin bao tải để đựng tiêu, A D đi vào gặp bà T1 hỏi xin bao tải thì bà T1 đồng ý cho 02 bao tải màu xanh đã qua sử dụng. Sau đó, G tiếp tục điều khiển xe mô tô chở A D và A D1 đến Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai tìm kiếm nhà dân để trộm cắp tiêu. Khi đi ngang qua trước nhà rẫy của ông Lê Anh T thì phát hiện không có người trông coi và có tiêu khô đang phơi trong sân nên G rủ A D và A D1 trộm cắp tiêu tại đây. G điều khiển xe mô tô đi đến một rẫy cà phê cách nhà ông T khoảng 50m và giao cho A D1 ở lại trông xe, còn A D và G đi bộ đến nhà ông T. Khi đến nơi, cả hai chui qua hàng rào kẽm gai vào trong sân, rồi A D hót tiêu trên sân cho vào 01 bao tải màu xanh đã chuẩn bị sẵn, còn G nhìn thấy cửa nhà rẫy không khoá thì đi vào nhà vác 01 bao tiêu khô ra ngoài (vỏ bao màu trắng và đựng đầy khoảng một nửa), thấy vậy thì A D không tiếp tục hót tiêu nữa. Sau khi lấy trộm được tiêu, A D và G cùng mỗi người mang 01 bao tiêu quay lại chỗ để xe thì nhìn thấy có tiếng hô hoán ở nhà ông T nên cả hai bỏ chạy. A D chạy đến một vườn cà phê gần đó, giấu bao tiêu tại đây rồi một mình đi bộ về thị trấn Đ. G cùng chạy đến địa điểm A D1 đang chờ, bỏ bao tiêu vừa trộm được vào vỏ bao tải màu xanh còn lại rồi để lên gác-ba-ga xe mô tô, sau đó điều khiển xe chở A D1 đi. Đến khoảng 10 giờ 20 cùng ngày, G điều khiển xe mô tô mang biển số 81K2 - 2122 chở theo tiêu và A D1 đến Cửa hàng T2 thuộc Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, để bán tiêu. Trong lúc mua bán thì chủ cửa hàng nhận thấy có dấu hiệu nghi ngờ nên đã thông báo đến Công an xã T. Qua quá trình làm việc, G và A D1 đã khai nhận hành vi trộm cắp và giao nộp 01 bao tiêu đang có khối lượng 29.5kg. Sau đó, tiếp tục triệu tập A D để làm việc thì A D đã khai nhận hành vi trộm cắp và đã thu giữ được 01 bao tiêu còn lại có khối lượng 6.5kg tại địa điểm A D cất giấu. Tại Kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 05/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định 36kg tiêu bị trộm cắp trị giá 3.240.000 đồng.

\* Về vật chứng:

- Đối với 36 kg tiêu khô và 01 vỏ bao tải màu trắng, quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Lê Anh T nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông T.

- Đối với 02 vỏ bao tải màu xanh, quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu của các bị cáo, đã được sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên chuyển theo vụ án để giải quyết trong giai đoạn xét xử.

- Đối với xe mô tô mang biển số 81K2 - 2122, quá trình điều tra xác định chiếc xe thuộc sở hữu của ông Đ (Sinh năm 1954, trú tại thôn H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia

Lai), cha của G. Ngày 28/3/2024, G sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì ông Đ không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô trên cho ông Đ.

\* Về dân sự: Ông Lê Anh T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKS ngày 30-8-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo A D và G về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo A D từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo G từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Không

Biện pháp tư pháp: Không.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao tải màu xanh, là vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Về dân sự: không.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 28/3/2024, tại Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, A D và G cùng đồng phạm A D1 đã thực hiện hành vi trộm cắp 36kg tiêu khô của ông Lê Anh T trị giá 3.240.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do các bị cáo A D và G thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đã trộm cắp tài sản của người khác trị giá 3.240.000 đồng, vì vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Các bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét, các bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng chế định án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về vật chứng: Đối với 02 vỏ bao tải màu xanh, là vật chứng không có giá trị sử dụng nên phải tịch thu tiêu hủy.

[6]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về các vấn đề khác:

Đối với A D1, đến ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản A D1 được 14 năm 5 tháng 27 ngày tuổi. Theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự, A D1 không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không có căn cứ xử lý hình sự đối với A D1 trong vụ án này.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo A D và G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo A D **06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12-12-2024).

Xử phạt bị cáo G **06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12-12-2024).

Giao các bị cáo A D và G cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) vỏ bao tải màu xanh, đã qua sử dụng.

*(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10-12-2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đak Đoa).*

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo A D và G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Rmah HThuyên**